BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2022/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đối tác công - tư;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BOT) thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, bao gồm: chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xã hội; khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp; thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

2. Đối với các loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (BOO), hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M), hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL), hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (BLT) và hợp đồng hỗn hợp: quá trình thực hiện căn cứ các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan để áp dụng các nội dung phù hợp với loại hợp đồng, tính chất đặc thù của từng lĩnh vực, dự án khi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông vận tải theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng BOT.

Chương II
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI; KHUNG LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ; CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG DO DOANH NGHIỆP DỰ ÁN CUNG CẤP VÀ THỜI HẠN KHẤU HAO CÔNG TRÌNH, HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

Điều 3. Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội

1. Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án bao gồm: giá trị hiện tại ròng kinh tế (ENPV); tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế (BCR); tỷ suất nội hoàn kinh tế (EIRR). Việc tính toán các chỉ tiêu trên thực hiện theo quy định tại Phần IV mẫu số 01 Phụ lục II và Phần IV mẫu số 01 Phụ lục III, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Lợi ích kinh tế - xã hội của dự án

Lợi ích kinh tế - xã hội của dự án bao gồm các nhóm dưới đây:

a) Nhóm lợi ích có thể định lượng và quy đổi được thành tiền, bao gồm: lợi ích do giảm chi phí vận hành phương tiện, lợi ích do tiết kiệm thời gian vận chuyển hàng hóa, hành khách.

b) Nhóm lợi ích có thể định lượng nhưng không định giá được, bao gồm: lợi ích do cải thiện về môi trường do giảm thiểu tác động môi trường về khí thải, bụi, tiếng ồn, lợi ích do thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, gia tăng việc làm, tăng cường năng lực lưu thông hành khách, hàng hóa, lợi ích do giảm tai nạn giao thông.

c) Nhóm lợi ích chỉ có thể định tính, bao gồm: lợi ích do tăng tính kết nối giữa các khu vực, lợi ích do tạo việc làm và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân vùng dự án.

d) Đơn vị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi có thể bổ sung các lợi ích khác ngoài các lợi ích nêu tại điểm a, b, c khoản 2 Điều này, đảm bảo phù hợp với loại hợp đồng, tính chất đặc thù của từng lĩnh vực, dự án và các quy định của pháp luật có liên quan.

e) Trường hợp không đủ điều kiện xác định các yếu tố lợi ích có thể định lượng và quy đổi được thành tiền để tính toán các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đơn vị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi có thể đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án trên cơ sở các nhóm yếu tố còn lại.

Điều 4. Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư

1. Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư

Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu có tính đến yếu tố rủi ro và lạm phát được xác định theo công thức:

$$\mathbf{i = i_v + f}$$

Trong đó:

i: chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư;

i_v: lãi vay huy động vốn đầu tư, được xác định trên cơ sở tham khảo lãi suất cho vay trung hạn, dài hạn của ít nhất 03 ngân hàng thương mại; lãi suất vốn vay của dự án tương tự để làm cơ sở lập phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có). Lãi vay huy động vốn đầu tư được xác định tại thời điểm gần nhất trong vòng 03 tháng trước thời điểm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi;

f: tỷ lệ lạm phát, được xác định trên cơ sở chỉ số giá tiêu dùng CPI trung bình của 10 năm gần nhất theo công bố của Tổng cục Thống kê Việt Nam và có xem xét loại trừ các năm có CPI biến động lớn.

2. Khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư

Căn cứ quy định pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội và đặc thù dự án, đơn vị chuẩn bị dự án lập mức lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại phương án tài chính trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo trong khung lợi nhuận sau đây:

a) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối đa không vượt quá mức chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (i) quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tối thiểu không thấp hơn lãi vay huy động vốn đầu tư (i_v) quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Chỉ số đánh giá chất lượng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp

Chỉ số đánh giá chất lượng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp bao gồm mức độ đáp ứng của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng do doanh nghiệp dự án cung cấp đối với các quy định về khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác và bảo trì theo tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng đối với mỗi dự án và theo các quy định pháp luật về chất lượng công trình. Việc đánh giá mức độ đáp ứng được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

Thời hạn khấu hao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì đơn vị lập dự án có trách nhiệm cập nhật các nội dung tại báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Thông tư này mà không dẫn đến thay đổi chủ trương đầu tư.

2. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm